



Đề số 01

Môn: NGỮ VĂN 9
Tiết: 48 - 49– Thời gian: 90 phút

PHẦN I. (6.0 điểm)

Cho đoạn thơ:

*Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang.
Hoa cười ngọc thốt đoan trang,
Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da.*

(Trích Truyện Kiều – Nguyễn Du)

Câu 1. Những câu thơ trên được rút từ đoạn trích nào trong tác phẩm **Truyện Kiều**? **Truyện Kiều** còn có tên gọi khác là gì? Nêu ý nghĩa của tên gọi đó.

Câu 2. Khi giới thiệu về nhân vật trong đoạn trích, Nguyễn Du giới thiệu Thúy Kiều trước, Thúy Vân sau nhưng khi miêu tả lại tả Thúy Vân trước. Vì sao vậy?

Câu 3. Viết một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch để làm rõ vẻ đẹp của nhân vật Thúy Vân trong những câu thơ trên, đoạn văn có sử dụng một lời dẫn trực tiếp, một câu ghép (gạch chân và chỉ rõ).

Câu 4. Một trong những nét đặc sắc về mặt nghệ thuật của kiệt tác **Truyện Kiều** là việc Nguyễn Du sử dụng thành công bút pháp tả cảnh ngụ tình. Em hiểu gì về bút pháp này? Chép chính xác hai câu thơ trong đoạn trích **Kiều ở lầu Ngưng Bích** có sử dụng biện pháp nghệ thuật đó.

PHẦN II (4 điểm)

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu:

“Trí thức giống như ngọn đèn trong đêm tối, soi sáng con đường chông gai phía trước. Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn. Trí tuệ giống như tia nắng mặt trời ấm áp xua tan bóng tối lạnh giá. Đáng tạo hóa có trí tuệ thì mới tạo ra một thế giới diệu kì, nhân loại có trí tuệ chỉ đường sẽ bước sang thế giới hiện đại văn minh. Khi có trí tuệ bạn sẽ dễ dàng gạt hái được nhiều thành công trong cuộc sống. Bấy trăm năm trước, Giovanni Boccaccio đã nói: “Trí tuệ là cội nguồn hạnh phúc của con người”. Thật vậy, có trí tuệ, bạn sẽ có nhiều niềm vui và mang lại hạnh phúc cho những người xung quanh.”

(Trích Lời nói đầu, Kỹ năng sống dành cho học sinh, sự kiên cường - Ngọc Linh, NXB Thế giới, 2019)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản.

Câu 2. Chỉ ra và nêu hiệu quả của biện pháp tu từ có trong câu: “Trí tuệ giống như chiếc chìa khóa diệu kì, mở ra cánh cửa tâm hồn”.

Câu 3. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về việc cần làm để phát triển trí tuệ của bản thân.

Full name:

Date :

Mark the letter A, B, C, D to indicate the word whose underlined part differs from the other three in pronunciation in each of the following questions

- Question 1. A. museum B. cultural C. dum D. sculpture
Question 2. A. impressed B. disappointed C. wished D. stoped

Mark the letter A, B, C, D to indicate the word that differs from the other three in the position of primary stress in each of the following questions:

- Question 3. A. pottery B. sculpture C. embroider D. handicraft
Question 4. A. worried B. delighted C. conflict D. urban

Mark the letter A, B, C, D to indicate the correct answer to each of the question

Question 5. My parents once took me to Bat Trang village. I could make my own there. I really enjoyed it.

- A. pottery B. lacquer C. painting D. sculpture

Question 6. Ha Noi City now is it was 10 years ago.

- A. not as large B. much larger than C. more large than D. the largest

Question 7. There is a big of handicrafts made by different craft villages.

- A. collect B. collection C. collector D. collecting

Question 8. My mother is a strong person. She stays even in the worst situations

- A. calm B. healthy C. tense D. confident

Question 9. The artisans in my village can live basket weaving.

- A. for B. on C. up D. in

Question 10. I usually my younger sisters when my parents are away on business.

- A. take off B. take care of C. take over D. take after

Question 11. They in touch since they school 2 years ago.

- A. kept/ have left B. have kept/ leave C. have kept/ left D. keep/ had left

Question 12. Japan is the developed country in the world.

- A. most second B. second in most C. second most D. two most

Question 13: he's spent a lot of money to decorate his shop, he cannot make any more profit.

- A. In order to B. Although C. So that D. Because of

Mark the letter A, B, C, D to indicate the underlined part that needs correction in each of the following questions

Question 14. Nick asked Phong if he has gone to Nga's birthday party the previous night.

- A B C D

Question 15. Ba is very depressing because his closest friend is moving to another town.

- A B C D

Question 16. She turned up the new job in New York because she didn't want to move.
A B C D

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the most suitable response to complete each of the following exchanges.

Question 17. Tyler : Hey Annie. I haven't seen you for ages.

Annie : I'm great. How about you ?

- A. How's it going ? B. Where are you going ?
C. What did you do? D. Where did you go ?

Question 18. Jane: I won the first prize in the English speaking contest.

Daisy:

- A. Stay calm. Everything will be alright! B. Congratulation!
C. If I were you I would get some sleep. D. I understand how you feel.

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word CLOSEST in meaning to the underlined word in each of the following questions.

Question 19: 18. Being self-disciplined will help him overcome this difficult time easier.

- A. self-control B. uncontrol C. depressed D. self-fish

Question 20: The council had to cancel the football match because of the storm.

- A. come back B. call off C. set off D. pass down

Mark the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the word(s) OPPOSITE in meaning to the underlined word(s) in each of the following questions.

Question 21: *What he said made her feel even more tense.*

- A. relaxed B. boring C. stressful D. awful

Question 22: At weekends the city centre is always packed with people.

- A. busy B. crowded C. full D. quite

Read the following passage and choose the letter A, B, C or D that best fits the blank space in the following passage.

I'm fascinated (23)traditional handicrafts. At weekends, I usually go to Bat Trang where I was born. It's a (24) village not far from Ha Noi center. My uncle and my aunt still live in Bat Trang and they own a big workshop there. In fact, my grandparents (25) that workshop and some years ago, my uncle and my aunt (26) the business because my grandparents are very old. My grandfather is a well-known artisan in the village. Every time I go there, he teaches me how (27)things from clay such as pots, vase and bowls.

Question 23: A. in B. of C. by D. with

Question 24: A. making hat B. pottery C. moulding D. painting

Question 25: A. started B. set C. went D. made

Question 26: A. looked after B. took care C. set up D. took over

Question 27: A. to make B. to do C. to know D. to find

Read the following passage and choose the letter A,B, C,D to indicate the correct answer to each of the questions.

Unlike life in the countryside which is often considered to be simple and traditional, life in the city is modern and complicated. People, from different regions, move to the cities in the hope of having a better life for them and their children.

The high cost of living requires city dwellers, especially someone with low income, to work harder or to take a part-time job. For many people, an ordinary day starts as usual by getting

up in the early morning to do exercise in public parks, preparing for a full day of working and studying, then travelling along crowded boulevards or narrow streets filled with motor scooters and returning home after a busy day. They usually live in large houses, or high-rise apartment blocks or even in a small rental room equipped with modern facilities, like the Internet, telephone, television, and so on. Industrialization and modernization have big **impact** on lifestyle in the cities. The most noticeable impact is the Western style of clothes. The "ao dai" - Vietnamese traditional clothes big are no longer regularly worn in Vietnamese women's daily life. Instead, jeans, T-shirts and fashionable clothes are widely preferred.

Question 28. The most important reason why people move to the city is that

- A. to look for a complicated life B. to take part-time job
- C. to have busy day D. to look for a better life

Question 29. According to the passage, the city life can offer city dwellers all of the following things EXCEPT _____.

- A. the Internet B. friendly communication with neighbours
- C. a variety of jobs in different fields D. modern facilities

Question 30. We can infer from the passage that _____.

- A. there is a big gap between the rich and the poor in the city
- B. people do morning exercise in public parks because they have much free time
- C. people leave the countryside because life there is simple
- D. most of the urban dwellers have low income

Question 31. Industrialization and modernization may lead to _____.

- A. the fact that women no longer wear *ao dai*
- B. the disappearance of Western-styled clothes
- C. some changes in lifestyles
- D. global integration

Question 32. The word "**impact**" in paragraph 2 is closest in meaning to _____.

- A. force B. action C. situation D. effect

Choose the letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the sentence that is correct or closest in meaning to the previous one.

Question 33. "How should I tell this news to my parents?" she wondered

- A. She wondered how to tell this news to her parents.
- B. She wondered how to tell that news to my parents.
- C. She wondered how to tell that news to her parents.
- D. She wondered how telling that news to her parents.

Question 34. No hotel in the city is as comfortable as this one.

- A. This hotel is most comfortable in the city.
- B. This hotel is the most comfortable in the city.
- C. This hotel is more comfortable in the city.
- D. This hotel is the most comfortable in city.

Question 35. This hand-embroidered picture was expensive, but we bought it.

- A. Even though this hand-embroidered picture was expensive but we bought it.
- B. Because this hand-embroidered picture was expensive, we bought it.
- C. This hand-embroidered picture was expensive, so we bought it.
- D. Even though this hand-embroidered picture was expensive, we bought it.

Question 36. This film is much more interesting than the last one.

- A. The last film was not very interesting as this one.
- B. The last film was not as interesting as this one.
- C. The last film was as interesting as this one
- D. The last film was very interesting as this one

Question 37. "Where did you go last night?", she said to her boyfriend.

- A. She asked her boyfriend where did he go last night.
- B. She asked her boyfriend where he did went the night before.
- C. She asked her boyfriend where had he gone the night before.
- D. She asked her boyfriend where he had gone the night before.

Question 38. We last visited Ho Chi Minh city 3 years ago.

- A. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years.
- B. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years.
- C. We haven't visited Ho Chi Minh city for 3 years ago.
- D. We didn't visit Ho Chi Minh city for 3 years ago

Choose letter A, B, C or D on your answer sheet to indicate the best sentence that can be made from the cues given.

Question 39. She/ wonder/ whether / tell/ parents/ what/ she/ think.

- A. She wonders whether telling his parents what she thought.
- B. She wondered whether to be told her parents what she thinks.
- C. She is wondering whether tell her parents what she had thought.
- D. She wondered whether to tell her parents what she thought.

Question 40. The villagers/ trying/ learn English / in order/ they/ communicate/ foreign customers.

- A. The villagers are trying to learn English in order that they can communicate with foreign customers.
- B. The villagers are trying to learn English in order that can communicate with foreign customers.
- C. The villagers are trying to learn English in order that they communicate with foreign customers.
- D. The villagers are trying to learn English in order that to communicate with foreign customers.

.....**THE END**.....



Mã đề: 901
(Đề có 02 trang)

Môn: TOÁN 9
Tiết theo KHDH: 17 (ĐS), 17 (hình)
Thời gian làm bài: 90 phút

I. TRẮC NGHIỆM: (2 điểm)

Ghi lại vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Số nào sau đây là căn bậc hai số học của số 0,36?

- A. -0,6. B. 0,6. C. 0,9. D. -0,18.

Câu 2: Tìm điều kiện xác định của $\sqrt{5 - 3x}$

- A. $x \leq \frac{5}{3}$. B. $x \geq \frac{5}{3}$. C. $x \leq \frac{3}{5}$. D. $x \geq \frac{3}{5}$.

Câu 3: Tính giá trị biểu thức $6\sqrt{(-2,5)^2} - 8\sqrt{(-0,5)^2}$.

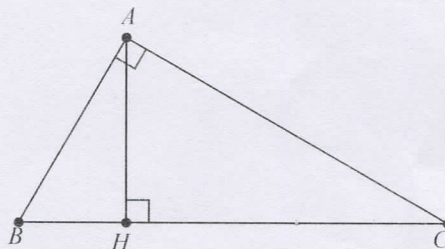
- A. 15. B. -11. C. 11. D. -13.

Câu 4: Áp dụng đưa thừa số ra ngoài dấu căn với biểu thức $\sqrt{144(5 + 2a)^2}$ với $a \geq \frac{-5}{2}$ ta được?

- A. $12(5 + 2a)$. B. $144(5 + 2a)$.
C. $-12(5 + 2a)^2$. D. $12(5 + 2a)^2$.

Câu 5:

Cho tam giác ABC vuông tại A , đường cao AH (như hình vẽ). Hệ thức nào sau đây là đúng?



- A. $AH^2 = AB.AC$. C. $AH^2 = BH.CH$.
B. $AH^2 = AB.BH$. D. $AH^2 = CH.BC$.

Câu 6: Cho $0^\circ < \alpha < 90^\circ$. Trong các đẳng thức sau, đẳng thức nào sai?

- A. $\sin^2 \alpha + \cos^2 \alpha = 1$ C. $\cot \alpha = \sin(90^\circ - \alpha)$
B. $\tan \alpha = \cot(90^\circ - \alpha)$ D. $\tan \alpha \cdot \cot \alpha = 1$

Câu 7: Tam giác ABC vuông tại A ; biết $BC = \frac{4}{3\sqrt{3}}$; $AB = \frac{2}{3}$. Khi đó số đo góc C bằng:

- A. 60° . B. 45° . C. 30° . D. 40° .

Câu 8: Cho tam giác ABC vuông tại A có $BC = 12$ cm, góc $ABC = 60^\circ$ thì cạnh AC bằng:

- A. $12\sqrt{3}$ (cm). B. $4\sqrt{3}$ (cm). C. $6\sqrt{3}$ (cm). D. $3\sqrt{3}$ (cm)



II. TỰ LUẬN (8 điểm)

Bài 1. (1,5 điểm) Rút gọn các biểu thức sau:

a) $2\sqrt{8} - \frac{2}{3}\sqrt{18} + \sqrt{50}$

b) $\sqrt{(1 - \sqrt{2})^2} - \sqrt{2}$

c) $\sin^2 25^\circ \cdot \tan 30^\circ + \sin^2 65^\circ \cdot \cot 60^\circ + \frac{\cos 23^\circ}{\sin 67^\circ}$

Bài 2. (0,5 điểm) Giải phương trình sau: $\frac{2\sqrt{x}-3}{\sqrt{x}+1} = \frac{3}{4}$

Bài 3. (2,0 điểm) Cho hai biểu thức:

$$A = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}+1} \text{ và } B = \frac{\sqrt{x}}{\sqrt{x}-3} + \frac{6\sqrt{x}}{x-9} - \frac{3}{\sqrt{x}+3} \text{ với } x \geq 0; x \neq 3..$$

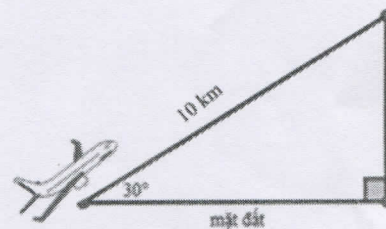
a) Tính giá trị của A khi $x = 4$

b) Chứng minh $B = \frac{\sqrt{x}+3}{\sqrt{x}-3}$

c) Biết $P = A:B$. Tìm giá trị nguyên lớn nhất của x để $P < \frac{1}{3}$.

Bài 4. (3,5 điểm)

1. Một máy bay cất cánh theo phương có góc nâng 30° so với mặt đất (như hình vẽ). Hỏi sau khi bay được 10km thì máy bay ở độ cao bao nhiêu km so với mặt đất?



2. Cho ΔABC vuông tại A biết $AB = 3\text{cm}$; $\widehat{ABC} = 60^\circ$

a) Tính AC; BC.

b) Qua C kẻ đường thẳng vuông góc với đường thẳng CB và cắt đường thẳng AB tại D. Tính DB.

c) Lấy K thuộc cạnh DC (K khác D và K khác C) sao cho

$\widehat{CBK} = 45^\circ$. Kẻ CE vuông góc với BK tại E. Tính $\frac{S_{BAE}}{S_{BKD}}$

Bài 5. (0,5 điểm) Giải phương trình $\sqrt{x - 4\sqrt{x} + 4} = x - 4\sqrt{x} + 2$



I/ TRẮC NGHIỆM (7 điểm): Em hãy ghi lại chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Phẩm chất đạo đức của con người, thể hiện ở sự công bằng, không thiên vị, giải quyết công việc theo lẽ phải, xuất phát từ lợi ích chung và đặt lợi ích chung lên trên lợi ích cá nhân là

- A. Liêm khiết. B. Chí công vô tư.
C. Tự chủ. D. Trung thực.

Câu 2. Khi giải quyết công việc, người chí công vô tư luôn tôn trọng

- A. lẽ phải và sự công bằng. B. và nhường nhịn người khác.
C. và thiên vị bạn bè, người thân. D. và giúp đỡ người khác.

Câu 3. Chí công vô tư mang lại cho cá nhân và tập thể lợi ích nào dưới đây?

- A. Giúp cá nhân nhanh chóng giàu có, còn tập thể nghèo đi.
B. Góp phần làm cho đất nước giàu mạnh, cá nhân được tôn trọng.
C. Cá nhân sẽ nhận được sự giúp đỡ về vật chất của những người xung quanh.
D. Góp phần làm cho xã hội phát triển, nhưng mỗi cá nhân sẽ nghèo đi.

Câu 4. Hành vi nào sau đây thể hiện phẩm chất chí công vô tư?

- A. Chiếm đoạt tài sản của Nhà nước.
B. Bỏ tiền xây cầu cho nhân dân đi lại.
C. Lầy đất công bán thu lợi riêng.
D. Trù dập những người tốt.

Câu 5. Câu tục ngữ nào sau đây thể hiện phẩm chất chí công vô tư?

- A. Quân pháp bất vị thân.
B. Cái khó ló cái khôn.
C. Nhất bên trọng, nhất bên khinh.
D. Uống nước nhớ nguồn.

Câu 6. Tự chủ là

- A. kiểm soát được người khác.
B. làm chủ bản thân.
C. tự làm theo ý mình.
D. làm chủ công việc.

Câu 7. Người có tính tự chủ thường có biểu hiện nào sau đây?

- A. Luôn có thái độ bình tĩnh, tự tin và biết tự điều chỉnh hành vi của mình.
B. Không bao giờ cần đến sự giúp đỡ của người khác.
C. Luôn làm theo suy nghĩ và tình cảm của bản thân mình.
D. Luôn có thái độ dao động và lung lay trước ý kiến của người khác.

Câu 8. Biểu hiện nào sau đây không thể hiện tự chủ?

- A. Hoang mang, dao động khi bị người khác phản đối.
B. Suy nghĩ và phân tích thật kĩ trước khi hành động.
C. Bình tĩnh khi đối diện với khó khăn.
D. Biết tự kiềm chế những ham muốn của bản thân.

Câu 9. Khi có sự bất đồng, xích mích với bạn, em sẽ ứng xử thế nào?

- A. Tranh cãi đến cùng để giành phần thắng.
- B. Chủ động gặp bạn trao đổi để hiểu nhau, giải quyết bất đồng.
- C. Nhờ sự giúp đỡ của người khác để áp đảo bạn.
- D. Nói xấu bạn với mọi người hoặc đe dọa, xúc phạm bạn.

Câu 10: Đâu không phải là biện pháp để rèn luyện tính tự chủ?

- A. Tập suy nghĩ kỹ trước khi hành động.
- B. Đánh giá, rút kinh nghiệm, sửa chữa sai trái sau mỗi việc làm.
- C. Cứ làm cho xong việc không cần để ý đến kết quả.
- D. Sau mỗi việc làm cần xem lại thái độ, hành động, lời nói của mình là đúng hay sai.

Câu 11: T là học sinh lớp 9, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, thấy các bạn trong lớp được bố mẹ mua cho xe đạp điện để đi học, T đòi bố mẹ mua bằng được một chiếc xe đạp điện mới.

Theo em, nhận xét nào dưới đây đúng nhất về thái độ và việc làm của T?

- A. T là người suy nghĩ kỹ trước khi hành động.
- B. T là người có thái độ bình tĩnh, tự tin.
- C. T là người không làm chủ được suy nghĩ, hành vi của mình.
- D. T là người biết điều chỉnh hành vi của mình.

Câu 12. Dân chủ là

- A. được tự do biểu tình.
- B. được tham gia bàn bạc góp phần thực hiện giám sát những công việc chung của tập thể và xã hội.
- C. được làm chủ bản thân, làm chủ những suy nghĩ, tình cảm và hành vi.
- D. được đối xử công bằng, không thiên vị.

Câu 13. Dân chủ và kỷ luật có ý nghĩa như thế nào?

- A. Tạo sự công bằng.
- B. Đứng vững trước tình huống khó khăn và thử thách.
- C. Đảm bảo lợi ích cho tập thể.
- D. Tạo sự thống nhất cao về nhận thức, ý chí và hành động của mọi người trong tập thể.

Câu 14. Trong trận đấu bóng, cầu thủ xô xát với nhau trên sân cỏ không nghe theo quyết định của trọng tài. Đây là biểu hiện của hành vi nào?

- A. Thiếu tự chủ.
- B. Thiếu dân chủ và kỷ luật.
- C. Thiếu kỷ luật.
- D. Thiếu chí công vô tư.

Câu 15. Ý kiến nào sau đây nói về mối quan hệ giữa dân chủ và kỷ luật?

- A. Kỷ luật tức là được nói và làm theo ý mình.
- B. Kỷ luật làm hạn chế tính dân chủ.
- C. Kỷ luật là điều kiện để đảm bảo dân chủ được thực hiện hiệu quả.
- D. Dân chủ làm mất tính kỷ luật.

Câu 16. Trường hợp nào sau đây thể hiện sự dân chủ?

- A. Giám đốc tạo điều kiện cho nhân viên bày tỏ quan điểm của mình.
- B. Lớp trưởng ra lệnh cho cả lớp làm theo ý mình.

C. Trong một trận đấu bóng, các cầu thủ xô xát với nhau trên sân cỏ, không nghe theo quyết định của trọng tài.

D. Biểu tình đốt, phá trụ sở cảnh sát phòng cháy chữa cháy.

Câu 17. Giờ sinh hoạt, Hùng điều khiển, các bạn trong lớp nghiêm túc lắng nghe và tích cực phát biểu ý kiến. Thái độ của các bạn học sinh thể hiện phẩm chất nào dưới đây?

A. Dân chủ.

C. Kỉ luật.

B. Dân chủ và kỉ luật.

D. Chí công vô tư.

Câu 18. Cùng chung sức làm việc, giúp đỡ, hỗ trợ nhau trong công việc, lĩnh vực nào đó vì mục đích chung là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

A. Hòa bình hữu nghị.

B. Tôn trọng kỉ luật.

C. Tự chủ.

D. Hợp tác.

Câu 19. Việc làm nào dưới đây thể hiện hợp tác quốc tế?

A. Vận chuyển rác thải sang nước khác.

B. Chung tay đẩy lùi dịch bệnh hiểm nghèo.

C. Tham gia tổ chức khủng bố quốc tế.

D. Gây mâu thuẫn bất đồng giữa các nước.

Câu 20. Nhật Bản thường xuyên hỗ trợ Việt Nam về nguồn vốn cũng như cử các chuyên gia kĩ thuật sang hướng dẫn, đào tạo các công ty thành viên quy trình thu gom, vận chuyển, quản lý, xử lý chất thải. Việc giúp đỡ đó thể hiện thái độ nào dưới đây?

A. Hợp tác.

B. Kiên trì.

C. Lịch sự.

D. Khoan dung.

Câu 21. Hành vi nào sau đây không thể hiện tinh thần hợp tác?

A. Cùng các bạn thực hiện công việc chung của lớp.

B. Phản đối mọi ý kiến của các bạn trong lớp.

C. Tham gia cắm trại cùng các bạn trong lớp.

D. Đóng góp ý kiến trong các cuộc họp.

Câu 22. Việc giải quyết vấn đề nào sau đây đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế?

A. Xây dựng nền văn hoá tiên tiến.

B. Chống tham ô, tham nhũng.

C. Phát triển kinh tế biển.

D. Bảo vệ môi trường.

Câu 23. Đảng và Nhà nước ta xác định, việc hợp tác quốc tế phải dựa trên nguyên tắc nào sau đây?

A. Bên nào mạnh thì được hưởng lợi nhiều hơn.

B. Chấp nhận thua thiệt so với các nước lớn hơn.

C. Tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau.

D. Chấp nhận mọi yêu cầu của nước khác, miễn là họ hợp tác với mình.

Câu 24. Hành vi nào sau đây thể hiện tinh thần hợp tác?

A. Tham gia tuyên truyền phòng chống HIV/AIDS.

B. Tìm hiểu văn hoá của các dân tộc khác.

C. Cùng gia đình đi du lịch vòng quanh thế giới.

D. Cùng bạn đi dự sinh nhật, đi xem phim.



Câu 25. Biểu hiện nào sau đây thể hiện phẩm chất chí công vô tư?

- A. Khi giải quyết công việc luôn ưu tiên cho người thân quen.
- B. Kiên quyết không hi sinh lợi ích của cá nhân cho lợi ích của tập thể.
- C. Chỉ làm những việc nếu thấy có lợi cho bản thân.
- D. Kiên quyết phản đối những hành vi đi ngược lại lợi ích của tập thể.

Câu 26. Biểu hiện nào sau đây trái với chí công vô tư?

- A. Không ưu tiên cho người thân quen khi giải quyết công việc.
- B. Không hi sinh lợi ích tập thể vì quyền lợi của cá nhân.
- C. Luôn tính toán thiệt hơn khi tham gia hoạt động tập thể.
- D. Tòa án xét xử đúng người, đúng tội.

Câu 27. Ai cần phải rèn luyện để có được phẩm chất chí công vô tư?

- A. Học sinh, sinh viên.
- B. Các nhà lãnh đạo, quản lí.
- C. Tất cả mọi người.
- D. Người lao động.

Câu 28. Để trở thành người có phẩm chất chí công vô tư, mỗi chúng ta cần làm gì?

- A. Kiên quyết không hi sinh lợi ích của cá nhân vì lợi ích tập thể.
- B. Đấu tranh với những hành vi xâm hại đến lợi ích của tập thể.
- C. Ủng hộ những việc làm có lợi cho bản thân.
- D. Nói “chí công vô tư” và luôn hành động vì lợi ích của bản thân.

PHẦN II: TỰ LUẬN (3đ)

Câu 1 (2 điểm)

a/ Em hiểu thế nào là người biết tự chủ? Nêu 04 việc làm cụ thể của em thể hiện là người biết tự chủ.

b/ Vì sao chúng ta cần phải rèn luyện để trở thành người biết tự chủ?

Câu 2 (1 điểm)

Cho tình huống sau:

Cuối năm học, nhiều thầy cô giáo yêu cầu học sinh làm đáp án để ôn tập. An bàn: Các bạn đã học bài “Hợp tác cùng phát triển” và biết được tác dụng của việc hợp tác rồi đấy. Bây giờ chúng mình chia nhau ra mỗi người làm đáp án 1 môn, rồi mang đến trao đổi với nhau, khi cô giáo kiểm tra ai cũng đủ đáp án.

a/ Em có tán thành với quan điểm đó không? Vì sao?

b/ Em sẽ làm gì khi gặp những tình huống tương tự?

Chúc các em làm bài tốt!



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

(Đề thi có 2 trang)

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2023 - 2024
MÔN: CÔNG NGHỆ 9
Thời gian làm bài: 45 PHÚT
(không kể thời gian phát đề)

Họ và tên:

Mã đề 901

I. Trắc nghiệm (7.0 điểm)

Ghi lại vào bài chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất

Câu 1. Trong thời gian sinh trưởng cây đào cần nhiệt độ thấp là:

- A. 8,2⁰C B. 5,2⁰C C. 6,2⁰C D. 7,2⁰C

Câu 2. Nam hỏi Lan loại quả nào khi thu hoạch phải tránh làm dập quả vì vỏ quả có túi the ?

- A. Cam, chanh, nho, chuối. B. Táo, lê, mận, đào.
C. Cam, chanh, quýt, bưởi. D. Quýt, bưởi, xoài, na.

Câu 3. Rễ cọc có thể mọc sâu bao nhiêu mét?

- A. 1-20m B. 1-5m C. 1-15m D. 1-10m

Câu 4. Độ pH thích hợp để trồng cam, quýt:

- A. 4-5 B. 6,5-7 C. 5,5-6 D. 6-6,5

Câu 5. Cây ăn quả ưa độ ẩm không khí khoảng:

- A. 60-70%. B. 80-90%. C. 90-100% D. 70-80%.

Câu 6. Quy trình chiết cành gồm có:

- A. 2 bước. B. 5 bước. C. 4 bước. D. 3 bước.

Câu 7. Thời vụ giâm cành thích hợp đối với các tỉnh phía Bắc:

- A. Tháng 3-4. B. Tháng 2-4. C. Tháng 1-2. D. Tháng 2-3

Câu 8. Nam thực hiện giâm cành với một số cây ăn quả. Em hãy xác định đó là nhóm cây ăn quả nào sau đây ?

- A. Chanh, mận, dâu. B. Dứa, thanh long.
C. Chanh, cóc, sầu riêng. D. Chanh, xoài, ổi.

Câu 9. Mắt ghép được lấy trên cành có đường kính:

- A. 8-10mm B. 10-12mm C. 3-8mm D. 4-10mm

Câu 10. Loại đất thích hợp với vườn ươm cây ăn quả:

- A. Đất cát. B. Đất phù sa. C. Đất đồi. D. Đất sét.

Câu 11. Thời vụ giâm cành thích hợp đối với các tỉnh phía Nam:

- A. Tháng 4-5 B. Tháng 2-4 C. Tháng 3-4 D. Tháng 2-3

Câu 12. Cây ăn quả được chăm sóc như thế nào ?

- A. Làm cỏ, bón phân lót, bón phân thúc, tỉa cành, tạo hình, phòng trừ sâu, bệnh.
B. Làm cỏ, vun xới, đào hố, bón phân lót, tưới nước, tỉa cành, tạo hình, phòng trừ sâu, bệnh.
C. Làm cỏ, vun xới, bón phân thúc, cắt bỏ cành già yếu, cành bị sâu bệnh, phòng trừ sâu, bệnh.
D. Làm cỏ, vun xới, bón phân thúc, tưới nước, tỉa cành, tạo hình, phòng trừ sâu, bệnh.

Câu 13. Đất làm vườn ươm phải:

- A. Không thoát nước, tầng đất mặt dày, độ màu mỡ cao.
B. Thoát nước, bằng phẳng, tầng đất mặt dày, độ màu mỡ cao.
C. Thoát nước, bằng phẳng, màu mỡ, pH thấp.
D. Thoát nước, bằng phẳng, tầng đất mặt mỏng, pH thấp.

Câu 14. Nhiệt độ thích hợp với cây cam, quýt là:

- A. 20°C - 25°C. B. 20°C - 30°C. C. 25°C - 27°C. D. 25°C - 30°C.

Câu 15. Tiến hành bón phân thúc vào rãnh hố theo mép tán cây có độ rộng:

- A. 10-15cm B. 30-35cm C. 15-20cm D. 20-30cm

Câu 16. Trong phương pháp nhân giống hữu tính hạt đào, hồng, mận phải bảo quản ở nhiệt độ nào:

- A. 3°C - 5°C B. 1°C - 2°C C. 3°C - 4°C D. 2°C - 3°C

Câu 17. Loại quả nào sau đây dùng làm xirô ?

- A. Chuối. B. Na. C. Táo. D. Mít.

Câu 18. Tiến hành đào hố trước khi trồng cây bao nhiêu ngày:

- A. 20-30 ngày B. 15-30 ngày C. 15-20 ngày D. 10-15 ngày

Câu 19. Nhiệt độ thích hợp với cây chuối là:

- A. 25°C - 30°C. B. 20°C - 25°C. C. 20°C - 30°C. D. 30°C - 35°C.

Câu 20. Quy trình trồng cây ăn quả gồm mấy bước ?

- A. 4 bước. B. 6 bước. C. 7 bước. D. 5 bước.

Câu 21. Đất vườn ươm có tầng đất mặt dày từ:

- A. 30-40cm B. 20-30cm C. 40-50cm D. 10-20cm

Câu 22. Thời vụ chiết cành thích hợp đối với các tỉnh phía Bắc:

- A. Tháng 2-3 B. Tháng 3-4. C. Tháng 2-4. D. Tháng 1-2.

Câu 23. Quy trình giâm cành gồm có:

- A. 3 bước. B. 4 bước. C. 5 bước. D. 2 bước.

Câu 24. Phương pháp nhân giống hữu tính của cây ăn quả:

- A. Ghép cành. B. Chiết cành. C. Giâm cành. D. Gieo hạt.

Câu 25. Làm đất nhằm mục đích.

A. Làm cho đất tơi xốp, tăng khả năng giữ nước, diệt cỏ dại và mầm mống sâu bệnh.

B. Tạo tầng đất dày cho cây.

C. Cả A và C đều đúng.

D. Làm cho đất tơi xốp, thoáng khí.

Câu 26. Thời vụ chiết cành thích hợp đối với các tỉnh phía Nam:

- A. Tháng 2-3 B. Tháng 4-5 C. Tháng 2-4 D. Tháng 3-4

Câu 27. Cây ăn quả được chia làm mấy nhóm:

- A. 3 B. 4 C. 2 D. 1

Câu 28. Vai trò của nghề trồng cây ăn quả là:

A. Nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

B. Cung cấp quả cho người tiêu dùng và nguyên liệu cho công nghiệp chế biến.

C. Cung cấp quả cho người tiêu dùng, nguyên liệu cho công nghiệp chế biến và xuất khẩu.

D. Cung cấp quả cho người tiêu dùng và xuất khẩu.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1: Nghề trồng cây ăn quả có vai trò gì đối với đời sống và kinh tế?

Câu 2: Nêu vai trò của giống, phân bón, nước đối với cây ăn quả?

----- HẾT -----



Mã đề 901

(Gồm 04 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm)

Ghi vào giấy kiểm tra chữ cái đứng trước câu trả lời đúng nhất.

Câu 1. Các dân tộc ít người ở nước ta đều có kinh nghiệm trong lĩnh vực

- A. thâm canh lúa nước. B. nuôi trồng thủy sản. C. làm nghề thủ công. D. chế biến thực phẩm.

Câu 2. Lao động nước ta trung bình mỗi năm tăng khoảng

- A. 2 triệu người. B. 0,5 triệu người. C. 1,5 triệu người. D. 1 triệu người.

Câu 3. Cho bảng số liệu sau:

TÌNH HÌNH DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995 - 2015

Năm	1995	2000	2010	2015
Dân số (triệu người)	71,9	77,6	86,9	93,1
Tỷ lệ dân thành thị (%)	20,8	24,1	29,7	33,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, NXB thống kê, 2017)

Để thể hiện số dân thành thị và tỉ lệ dân số thành thị của nước ta giai đoạn 1995 - 2015 theo bảng số liệu, dạng biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Cột. C. Miền. D. Kết hợp.

Câu 4. Nguyên nhân chủ yếu dẫn tới tình trạng thiếu việc làm ở nông thôn nước ta là do

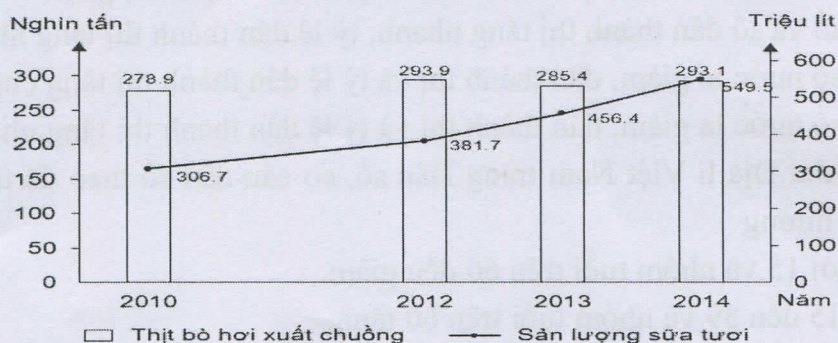
- A. thời tiết diễn biến phức tạp, khó lường. B. chất lượng đời sống ở nông thôn còn thấp.
C. tính mùa vụ của sản xuất nông nghiệp. D. cơ sở hạ tầng nông thôn còn kém phát triển.

Câu 5. Hiện tượng bùng nổ dân số ở nước ta bắt đầu vào thời gian nào của thế kỷ XX ?

- A. Đầu những năm 70 B. Đầu những năm 40 C. Cuối những năm 60 D. Cuối những năm 50

Câu 6. Cho biểu đồ:

SẢN LƯỢNG SẢN PHẨM CHĂN NUÔI BÒ CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014



Dựa vào biểu đồ trên, nhận xét nào sau đây thể hiện đúng sản lượng sản phẩm chăn nuôi bò của nước ta giai đoạn 2010 – 2014

- A. Sản lượng thịt bò và sữa tươi đều giảm. B. Sản lượng sữa tươi tăng không liên tục.
C. Sản lượng sữa tươi tăng liên tục D. Sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng giảm.

Câu 7. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, hãy cho biết những đô thị nào thuộc loại phân cấp đô thị đặc biệt?

A. Hà Nội, Đà Nẵng.

B. Huế, Đà Nẵng.

C. Thành phố Hồ Chí Minh, Bà Rịa - Vũng Tàu.

D. Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh.

Câu 8. Đàn trâu được nuôi chủ yếu ở vùng nào của nước ta?

A. Trung du miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ. B. Trung du miền núi phía Bắc, Đông Nam Bộ.

C. Bắc Trung Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long. D. Đồng bằng sông Hồng, Bắc Trung Bộ.

Câu 9. Khu vực nào sau đây thuận lợi để nuôi trồng thủy sản nước lợ?

A. Vũng, vịnh, vùng biển ven các đảo.

B. Bãi triều, đầm phá, rừng ngập mặn.

C. Các ngư trường trọng điểm.

D. Hệ thống sông suối, ao hồ.

Câu 10. Căn cứ Atlas Địa lí Việt Nam trang Thủy sản, tỉnh nào sau đây có sản lượng thủy sản khai thác lớn nhất?

A. Sóc Trăng.

B. Kiên Giang.

C. Bến Tre.

D. Bạc Liêu.

Câu 11. Chất lượng nguồn lao động nước ta được nâng lên nhờ

A. việc đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

B. việc tăng cường xuất khẩu lao động sang các nước phát triển.

C. những thành tựu trong phát triển văn hóa, giáo dục, y tế.

D. tăng cường giáo dục hướng nghiệp, đa dạng các loại hình đào tạo.

Câu 12. Cho bảng số liệu:

TÌNH HÌNH DÂN SỐ VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1995 - 2015

Năm	1995	2000	2010	2015
Dân số (triệu người)	71,9	77,6	86,9	93,1
Dân thành thị (triệu người)	14,9	18,8	26,5	29,2
Tỷ lệ dân thành thị (%)	20,8	24,1	29,7	33,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2016, NXB thống kê, 2017)

Nhận xét nào sau đây đúng với tình hình phát triển dân số nước ta giai đoạn 1995 - 2015?

A. Quy mô dân số nước ta tăng, dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị giảm.

B. Quy mô dân số và số dân thành thị tăng nhanh, tỷ lệ dân thành thị tăng nhưng còn thấp.

C. Quy mô dân số nước ta giảm, dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị tăng chậm.

D. Quy mô dân số nước ta giảm, dân thành thị và tỷ lệ dân thành thị tăng nhanh.

Câu 13. Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cơ cấu dân số theo độ tuổi của nước ta đang có sự thay đổi theo hướng

A. nhóm tuổi dưới 15 và nhóm tuổi trên 60 đều giảm.

B. nhóm tuổi từ 15 đến 59 và nhóm tuổi trên 60 tăng.

C. nhóm tuổi dưới 15 tăng; nhóm tuổi trên 60 giảm.

D. nhóm tuổi dưới 15 tăng; nhóm tuổi trên 60 tăng.

Câu 14. Các tỉnh cực Nam Trung Bộ và Nam Bộ là địa bàn cư trú chủ yếu của các dân tộc:

A. Ê-đê, Chăm.

B. Gia-rai, Ba-na.

C. Khơ-me, Ê-đê.

D. Chăm, Khơ-me.

Câu 15. Tỷ lệ gia tăng tự nhiên của dân số nước ta có xu hướng giảm là nhờ

- A. làm tốt phong trào xóa mù chữ ở những vùng núi và vùng trung du.
- B. chủ trương xóa đói giảm nghèo, phân bố lại dân cư.
- C. thực hiện chủ trương đô thị hóa gắn với công nghiệp hóa.
- D. thực hiện tốt chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình.

Câu 16. Vùng có mật độ dân số cao nhất ở nước ta là

- A. Tây Nguyên. B. Đông Nam Bộ. C. Bắc Trung Bộ. D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 17. Nguyên nhân nào là quan trọng nhất để chăn nuôi lợn phát triển mạnh ở đồng bằng?

- A. Dịch vụ thú y được đảm bảo. B. Thị trường tiêu thụ rộng lớn.
- C. Công nghiệp chế biến phát triển mạnh. D. Nguồn thức ăn dồi dào.

Câu 18. Cây trồng nào sau đây là cây công nghiệp lâu năm ở nước ta?

- A. Mía. B. Cao su. C. Bông. D. Đậu tương.

Câu 19. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Thủy sản, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sản lượng thủy sản qua các năm?

- A. Sản lượng thủy sản khai thác tăng nhanh hơn thủy sản nuôi trồng.
- B. Sản lượng thủy sản nuôi trồng tăng nhanh hơn thủy sản khai thác.
- C. Tổng sản lượng thủy sản tăng lên liên tục qua các năm.
- D. Sản lượng thủy sản khai thác và nuôi trồng đều tăng.

Câu 20. Điều kiện tự nhiên ảnh hưởng sâu sắc đến cơ cấu mùa vụ trong sản xuất nông nghiệp là

- A. nguồn nước. B. khí hậu. C. đất trồng. D. sinh vật.

Câu 21. Quần cư thành thị phổ biến hoạt động kinh tế

- A. nông – lâm - ngư nghiệp. B. công nghiệp và dịch vụ.
- C. dịch vụ và nông – lâm – ngư nghiệp. D. công nghiệp và nông – lâm – ngư nghiệp.

Câu 22. Cây nào chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu giá trị sản xuất ngành trồng trọt của nước ta?

- A. Cây ăn quả. B. Cây công nghiệp. C. Cây lương thực D. Cây hoa màu.

Câu 23. Cho bảng số liệu:

CƠ CẤU TỔNG SẢN PHẨM TRONG NƯỚC PHÂN THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2005 – 2016 (đơn vị: %)

Năm	2005	2010	2014	2016
Nông - lâm - thủy sản	19,3	21,0	19,7	18,1
Công nghiệp - xây dựng	38,1	36,7	36,9	36,4
Dịch vụ	42,6	42,3	43,4	45,5

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2017, NXB Thống kê 2018)

Từ bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây **không** đúng về sự chuyển dịch cơ cấu tổng sản phẩm trong nước phân theo khu vực kinh tế nước ta giai đoạn 2005 - 2016.

- A. Khu vực dịch vụ luôn chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu.
- B. Khu vực công nghiệp - xây dựng có tỉ trọng tăng liên tục.
- C. Tỉ trọng khu vực nông - lâm - thủy sản thấp nhất trong cơ cấu.
- D. Khu vực nông - lâm - thủy sản có xu hướng giảm tỉ trọng

Câu 24. Công cuộc Đổi mới ở nước ta đã được triển khai từ năm

A. 1975.

B. 1981.

C. 1996.

D. 1986.

Câu 25. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế thể hiện ở

- A. Hình thành các vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, miền Trung và phía Nam.
- B. Chuyển dịch cơ cấu ngành, cơ cấu thành phần kinh tế và cơ cấu lãnh thổ.
- C. Chuyển dịch cơ cấu ngành, thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.
- D. Hình thành các khu trung tâm công nghiệp, vùng công nghiệp mới.

Câu 26. Số dân đông và gia tăng nhanh mang lại lợi thế cơ bản là

- A. Phát triển kinh tế, đời sống của nhân dân được cải thiện.
- B. Góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân.
- C. Có nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ lớn.
- D. Tài nguyên thiên nhiên nước ta bị khai thác quá mức.

Câu 27. Việc phân bố lại dân cư và lao động giữa các vùng trên phạm vi cả nước là rất cần thiết vì

- A. tỉ lệ thiếu việc làm và thất nghiệp nước ta còn cao.
- B. lao động nước ta còn thiếu tác phong công nghiệp.
- C. dân cư nước ta phân bố không đều và chưa hợp lí.
- D. dân cư nước ta tập trung chủ yếu ở vùng đồng bằng.

Câu 28. Đặc điểm nào dưới đây của nguồn lao động vừa là lợi thế vừa là khó khăn trong phát triển kinh tế xã hội nước ta ?

- A. Có nhiều kinh nghiệm trong sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp.
- B. Chăm chỉ, cần cù, sáng tạo.
- C. Lao động dồi dào, tăng nhanh.
- D. Có khả năng tiếp thu khoa học kĩ thuật

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Cho bảng số liệu sau về diện tích rừng ở Việt Nam qua các năm (đơn vị: Triệu ha)

Năm	2000	2005	2010	2018
Tổng diện tích rừng	10,9	12,7	13,4	14,5
Rừng tự nhiên	9,4	10,2	10,3	10,3
Rừng trồng	1,4	2,5	3,1	4,2

Câu 1: (1,5đ)

- Tính tỉ lệ (%) che phủ rừng so với diện tích đất liền (làm tròn 33 triệu ha)
- Lựa chọn biểu đồ thích hợp nhất để thể hiện sự thay đổi cơ cấu diện tích rừng tự nhiên và diện tích rừng trồng ở nước ta năm 2010 và năm 2018.

Câu 2: (1,5đ)

Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, nhận xét và giải thích sự chuyển dịch cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế?

---HẾT---

Lưu ý: Học sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam và máy tính cầm tay không có chức năng thu, phát, lưu trữ dữ liệu.



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Năm học: 2023– 2024

Môn: LỊCH SỬ 9

Mã đề 901 (gồm 04 trang)

Tiết theo KHDH: 9 – Thời gian làm bài: 45 phút

(Học sinh làm bài vào giấy kiểm tra)

I. Trắc nghiệm: (7,0 điểm)

Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng vào giấy kiểm tra

Câu 1: Trước chiến tranh thế giới thứ hai, những quốc gia nào ở Châu Á không bị các nước tư bản phương Tây xâm lược?

- A. Trung Quốc, Nhật Bản. B. Thái Lan, Philippin.
C. Thái Lan, Nhật Bản. D. Thái Lan, Mianma.

Câu 2: Nước Cộng hòa Nhân dân Trung Hoa thành lập 1949 do ai đứng đầu?

- A. Chu Ân Lai. B. Mao Trạch Đông.
C. Lưu Thiệu Kỳ. D. Diệp Kiếm Anh.

Câu 3: Sau khi thất bại, Tưởng Giới Thạch đã rút chạy đi đâu?

- A. Mĩ. B. Hồng Kông.
C. Đài Loan. D. Nam Hải.

Câu 4: Năm nước thành viên đầu tiên của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) gồm:

- A. In-đô-nê-xi-a, Ma-lai-xi-a, Phi-líp-pin, Xing-ga-po, Thái Lan.
B. In-đô-nê-xi-a, Việt Nam, Lào, Phi-líp-pin, Xing-ga-po.
C. Việt Nam, Lào, Cam-pu-chia, Phi-líp-pin Ma-lai-xi-a.
D. In-đô-nê-xi-a, Xing-ga-po, Việt Nam, Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a.

Câu 5: Từ 1979 đến cuối những năm 80 của thế kỉ XX quan hệ giữa Việt Nam với ASEAN có đặc điểm gì?

- A. Quan hệ hợp tác song phương.
B. Quan hệ đối thoại.
C. Quan hệ đối đầu do bất đồng về quan hệ kinh tế.
D. Quan hệ đối đầu do vấn đề Cam-pu-chia.

Câu 6: Ý nghĩa lịch sử của của Tuyên bố chung Băng Cốc (8/8/1967) là

- A. đánh dấu sự ra đời của ASEAN và mục tiêu hoạt động của ASEAN.
B. đánh dấu sự ra đời của ASEAN và phương hướng hoạt động của ASEAN.
C. đánh dấu sự ra đời của ASEAN và nguyên tắc hoạt động của ASEAN.
D. đánh dấu quá trình mở rộng của ASEAN.

Câu 7: Tính chất của ASEAN là:

- A. Liên minh Kinh tế - Xã hội. B. Liên minh Kinh tế - Chính trị.
C. Liên minh Kinh tế - Văn hóa. D. Liên minh Quân sự - Chính trị.



Câu 8: Tổ chức quân sự nào do Mỹ thành lập ở Đông Nam Á?

- A. Tổ chức Hiệp ước Đông Nam Á (SEATO).
- B. Tổ chức Hiệp ước Bắc Đại Tây Dương (NATO).
- C. Hiệp ước Phòng thủ chung Đông Dương.
- D. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).

Câu 9: Biến đổi tích cực, quan trọng đầu tiên ở Đông Nam Á sau chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Từ các nước thuộc địa trở thành các nước độc lập.
- B. Nhiều nước có tốc độ phát triển khá nhanh.
- C. Sự ra đời của Tổ chức Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN).
- D. Ngày càng mở rộng đối ngoại, hợp tác với các nước Đông Á và EU.

Câu 10: Vì sao những năm 50 của thế kỉ XX, tình hình Đông Nam Á ngày càng trở nên căng thẳng?

- A. Mỹ, Anh, Nhật thiết lập khối quân sự Đông Nam Á (SEATO).
- B. Mỹ thực hiện chiến lược toàn cầu.
- C. Mỹ biến Thái Lan thành căn cứ quân sự.
- D. Mỹ tiến hành chiến tranh xâm lược Việt Nam và mở rộng chiến tranh sang Lào, Cam-pu-chia.

Câu 11: Nguyên tắc hoạt động của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) được xác định trong văn kiện nào?

- A. Tuyên bố chung Băng- Cốc.
- B. Tuyên bố chung Hà Nội.
- C. Tuyên bố chung Ba- Li.
- D. Tuyên bố chung Viên Chăn.

Câu 12: Đường lối đối ngoại cơ bản của Liên Xô từ năm từ 1945 đến 1991 là

- A. hòa bình, trung lập, ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- B. hòa bình, kiên quyết, chống chính sách gây chiến của Chủ nghĩa đế quốc.
- C. hòa bình, tích cực ủng hộ phong trào cách mạng thế giới.
- D. quân phiệt hiếu chiến.

Câu 13: Hội đồng Tương trợ kinh tế (SEV) được thành lập nhằm mục đích gì?

- A. Tăng cường hợp tác về kinh tế giữa các nước Xã hội chủ nghĩa.
- B. Tăng cường hợp tác về quân sự, chính trị giữa các nước Xã hội chủ nghĩa..
- C. Hỗ trợ các nước châu Âu phát triển kinh tế.
- D. Đầu tư cho việc nghiên cứu khoa học.

Câu 14: Ý nghĩa lịch sử của sự kiện Liên Xô chế tạo thành công bom nguyên tử là

- A. phá vỡ thế độc quyền của Mỹ về vũ khí hạt nhân.
- B. khẳng định ưu thế vượt trội về kinh tế của Liên Xô.
- C. nắm độc quyền về vũ khí nguyên tử.
- D. đảm bảo an ninh, an toàn cho Liên Xô.

Câu 15: Tính chất của Tổ chức Hiệp ước Vác- sa- va là

- A. là liên minh kinh tế, tài chính của các nước Xã hội chủ nghĩa.
- B. liên minh quân sự, chính trị mang tính liên kết của các nước Xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu.
- C. liên minh quân sự, chính trị mang tính phòng thủ của các nước Xã hội chủ nghĩa ở Châu Âu.
- D. liên minh văn hóa, giáo dục của các nước Xã hội chủ nghĩa.

Câu 16: Trong công cuộc xây dựng cơ sở vật chất- kĩ thuật của chủ nghĩa xã hội, Liên Xô ưu tiên phát triển ngành kinh tế nào?

- A. Công nghiệp nặng.
- B. Công nghiệp nhẹ
- C. Nông nghiệp.
- D. Dịch vụ.

Câu 17: Cột mốc đánh dấu sự hình thành hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới là

- A. các nước dân chủ Đông Âu được thành lập.
- B. khối SEV được thành lập.
- C. tổ chức Hiệp ước Vác-sa-va được thành lập.
- D. Liên Xô hoàn thành công cuộc khôi phục kinh tế.

Câu 18: Điều không phải là cơ sở để dẫn tới sự hợp tác, tương trợ lẫn nhau giữa Liên Xô và các nước Đông Âu sau Chiến tranh thế giới thứ hai?

- A. Chung mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội.
- B. Điều đặt dưới sự lãnh đạo của các đảng cộng sản.
- C. Cùng chung hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác- Lênin.
- D. Chung nền kinh tế thị trường.

Câu 19: Biến đổi quan trọng nhất của các nước châu Á sau Chiến tranh thế giới thứ hai là gì?

- A. Hầu hết các nước châu Á đã giành độc lập.
- B. Các nước châu Á đã gia nhập ASEAN.
- C. Nhiều nước châu Á đã trở thành trung tâm kinh tế tài chính thế giới.
- D. Mĩ can thiệp ngày càng sâu vào Châu Á.

Câu 20: Nước châu Á nào đang vươn lên trở thành cường quốc công nghệ phần mềm?

- A. Nhật Bản.
- B. Trung Quốc.
- C. Ấn Độ.
- D. Xing-ga-po.

Câu 21: Sự kiện đánh dấu kỉ nguyên chinh phục vũ trụ của loài người là:

- A. Liên Xô phóng thành công tàu vũ trụ có người lái vào khoảng không vũ trụ.
- B. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo lên khoảng không vũ trụ.
- C. Liên Xô phóng thành công tàu vũ trụ lên mặt trăng.
- D. Mĩ đưa nhà du hành vũ trụ Neo Armstrong đặt chân lên mặt trăng.



Câu 22: 5 năm sau chiến tranh thế giới thứ hai, sự kiện nào đánh dấu sự phát triển vượt bậc về khoa học- kĩ thuật của Liên Xô?

- A. Liên Xô phóng thành công vệ tinh nhân tạo.
- B. Đưa nhà du hành vũ trụ bay vòng quanh trái đất.
- C. Chế tạo thành công bom nguyên tử.
- D. Phóng thành công tàu vũ trụ có người lái vào không gian.

Câu 23. Từ cuối những năm 70 của thế kỉ XX, chủ nghĩa thực dân tồn tại ở Cộng hòa Nam Phi dưới hình thức

- A. chế độ thực dân.
- B. chế độ phân biệt chủng tộc.
- C. chủ nghĩa thực dân kiểu cũ.
- D. chủ nghĩa thực dân kiểu mới.

Câu 24: Cuộc cách mạng nào được Ấn Độ tiến hành sau khi giành độc lập đã giúp Ấn Độ tự túc được lượng thực cho toàn bộ người dân?

- A. Cách mạng xanh.
- B. Cách mạng chất xám.
- C. Cách mạng trắng.
- D. Cách mạng 4.0.

Câu 25: Sau khi giành được độc lập, một số nước trở thành "con rồng kinh tế châu Á". Đó là những nước nào?

- A. Hàn Quốc, Nhật Bản.
- B. Nhật Bản, Xing-ga-po.
- C. Hàn Quốc, In-đô-nê- xi-a.
- D. Hàn Quốc, Xing-ga-po.

Câu 26: Đường lối cải cách- mở cửa ở Trung Quốc lấy trọng tâm đổi mới là gì?

- A. Lấy cải tổ chính trị làm trọng tâm.
- B. Lấy phát triển kinh tế làm trọng tâm.
- C. Lấy phát triển kinh tế, chính trị làm trọng tâm.
- D. Lấy phát triển văn hóa làm trọng tâm

Câu 27: Trước chiến tranh thế giới thứ hai, bán đảo Đông Dương là thuộc địa của:

- A. Mĩ.
- B. Trung Quốc.
- C. Pháp.
- D. Anh.

Câu 28: Tháng 8/1945 khi phát xít Nhật đầu hàng Đồng minh, nước nào sau đây đã giành độc lập sớm nhất thế giới?

- A. Phi-líp-pin.
- B. Việt Nam.
- C. In-đô-nê-xi-a.
- D. Campuchia.

II. Tự luận: (3,0 điểm)

Câu hỏi: Em hãy trình nguyên nhân ra đời và mục tiêu hoạt động của Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN)?

.....Chúc các em làm bài tốt.....

Mã đề thi 01

Môn: VẬT LÝ 9

(Đề thi có 04 trang)

Tiết theo KHDH:18-Thời gian làm bài: 45 phút

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm): Ghi vào bài làm chữ cái trước câu trả lời đúng

Câu 1. Công thức nào sau đây tính điện trở của một dây dẫn:

A. $R = \rho \cdot \frac{S}{l}$

B. $R = S \cdot \frac{l}{\rho}$

C. $R = \rho \cdot \frac{l}{S}$

D. $R = \frac{S}{\rho \cdot l}$

Câu 2. Công thức nào dưới đây là công thức tính cường độ dòng điện qua mạch khi có hai điện trở mắc song song:

A. $I = I_1 = I_2$

B. $I = I_1 + I_2$

C. $\frac{I_1}{I_2} = \frac{R_1}{R_2}$

D. $\frac{I_1}{I_2} = \frac{U_2}{U_1}$

Câu 3. Cường độ dòng điện chạy qua điện trở $R = 6\Omega$ là 0,6A. Khi đó hiệu điện thế giữa hai đầu điện trở là:

A. 3,6V

B. 36V

C. 0,1V

D. 10V

Câu 4. Hai dây dẫn làm bằng đồng cùng tiết diện S. Dây thứ nhất có chiều dài 20cm và điện trở 5Ω . Dây thứ hai có điện trở 8Ω . Chiều dài dây thứ hai có giá trị là?

A. 12,5cm

B. 32cm

C. 2cm

D. 23 cm

Câu 5. Cho hai điện trở $R_1 = 12\Omega$ và $R_2 = 18\Omega$ được mắc nối tiếp nhau. Điện trở tương đương R_{12} của đoạn mạch đó có thể nhận giá trị nào trong các giá trị sau đây.

A. $R_{12} = 12\Omega$

B. $R_{12} = 18\Omega$

C. $R_{12} = 6\Omega$

D. $R_{12} = 30\Omega$

Câu 6. Cho đoạn mạch gồm 2 điện trở $R_1 = 30\Omega$; $R_2 = 60\Omega$ mắc song song với nhau. Điện trở tương đương R_{td} của đoạn mạch có giá trị nào sau đây.

A. 20Ω .

B. 45Ω

C. $1/20\Omega$

D. 90Ω .

Câu 7. Công thức nào sau đây là công thức định luật ôm?

A. $I = U \cdot R$

B. $U = \frac{I}{R}$

C. $I = \frac{R}{U}$

D. $I = \frac{U}{R}$

Câu 8. Xét các dây dẫn được làm từ cùng loại vật liệu, cùng chiều dài, nếu tiết diện giảm đi 3 lần thì điện trở của dây dẫn thay đổi thế nào ?

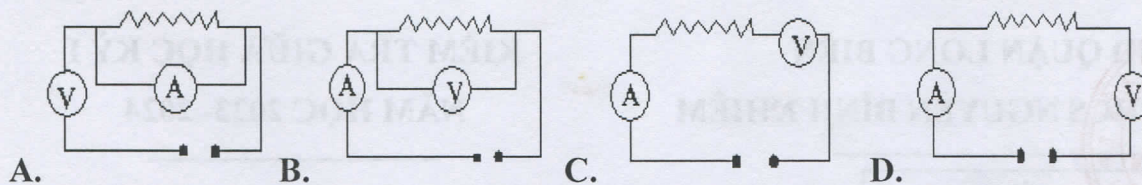
A. tăng gấp 3 lần

B. tăng gấp 9 lần

C. giảm đi 3 lần

D. không thay đổi

Câu 9. Trong các sơ đồ sau, sơ đồ nào dùng để xác định điện trở của dây dẫn bằng vôn kế và ampe kế



Câu 10. Hiệu điện thế đặt vào 2 đầu dây dẫn không đổi, điện trở giảm 5 lần thì cường độ dòng điện chạy trong dây dẫn thay đổi thế nào?

- A. giảm 5 lần B. tăng 5 lần C. không đổi D. giảm 10 lần

Câu 11. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn giảm bao nhiêu lần thì.

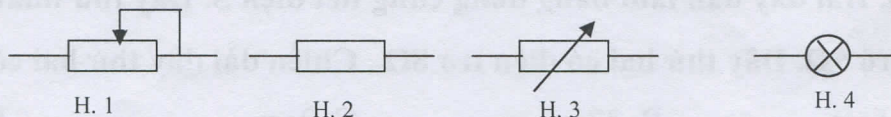
- A. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn không thay đổi.
B. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn có lúc tăng, lúc giảm.
C. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn giảm bấy nhiêu lần.
D. Cường độ dòng điện chạy qua dây dẫn tăng bấy nhiêu lần.

Câu 12. Đồ thị biểu diễn sự phụ thuộc của cường độ dòng điện vào hiệu điện thế giữa hai đầu dây dẫn có dạng là.

- A. Một đường thẳng đi qua gốc tọa độ. B. Một đường thẳng không đi qua gốc tọa độ.
C. Một đường cong đi qua gốc tọa độ. D. Một đường cong không đi qua gốc tọa độ.

Câu 13. Hình vẽ nào là ký hiệu của điện trở ?

- A. Hình 1.
B. Hình 2.
C. Hình 3.
D. Hình 4.



Câu 14. Hai bóng đèn có ghi: 220V – 25W, 220V – 40W. Để 2 bóng đèn trên hoạt động bình thường ta mắc song song vào nguồn điện.

- A. 220V. B. 110V. C. 40V. D. 25V.

Câu 15. Một dây dẫn dài l và có điện trở là R . Nếu tăng chiều dài gấp 3 lần sẽ có điện trở R' là bao nhiêu?

- A. $R' = 3R$ B. $R' = \frac{R}{3}$ C. $R' = R + 3$ D. $R' = R - 3$

Câu 16. Trên một biến trở con chạy có ghi: $20\Omega - 2A$. Ý nghĩa của những số đó là gì?

- A. 20Ω là điện trở lớn nhất của biến trở; $2A$ là cường độ dòng điện lớn nhất mà biến trở chịu được.
B. 20Ω là điện trở lớn nhất của biến trở; $2A$ là cường độ dòng điện nhỏ nhất mà biến trở chịu được.

C. 20Ω là điện trở nhỏ nhất của biến trở; $2A$ là cường độ dòng điện lớn nhất mà biến trở chịu được.

D. 20Ω là điện trở nhỏ nhất của biến trở; $2A$ là cường độ dòng điện nhỏ nhất mà biến trở chịu được.

Câu 17. Công thức nào là đúng khi mạch điện có hai điện trở mắc song song?

- A. $\frac{U_1}{U_2} = \frac{R_1}{R_2}$ B. $U = U_1 + U_2$ C. $U = U_1 = U_2$ D. $\frac{U_1}{U_2} = \frac{I_2}{I_1}$

Câu 18. Đoạn mạch gồm hai điện trở R_1 và R_2 mắc nối tiếp có điện trở tương đương là:

- A. $R_1 \cdot R_2$ B. $R_1 + R_2$ C. $\frac{R_1 \cdot R_2}{R_1 + R_2}$ D. $\frac{R_1 + R_2}{R_1 \cdot R_2}$

Câu 19. Mạch điện nối tiếp có 3 điện trở R_1, R_2, R_3 , công thức nào dưới đây là đúng.

- A. $R_{td} = R_1$ B. $R_{td} = R_1 + R_2$
C. $R_{td} = R_1 + R_2 + R_3$ D. $R_{td} = R_1 + R_3$

Câu 20. Đơn vị của điện trở là.

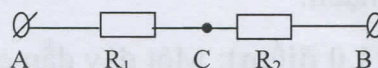
- A. Oát (W) B. Ampe (A) C. Ôm (Ω) D. Vôn (V)

Câu 21. Mạch điện kín gồm hai bóng đèn được mắc nối tiếp, khi một trong hai bóng đèn bị hỏng thì bóng đèn còn lại sẽ.

- A. sáng hơn. B. vẫn sáng như cũ.
C. không hoạt động. D. tối hơn.

Câu 22. Cho mạch điện như hình vẽ:

Biết $U_{AB} = 84V$, $R_1 = 400\Omega$, $R_2 = 200\Omega$.



Hãy tính U_{AC} và U_{CB} ?

- A. $U_{AC} = 56V$, $U_{CB} = 28V$. B. $U_{AC} = 40V$, $U_{CB} = 44V$.
C. $U_{AC} = 50V$, $U_{CB} = 34V$. D. $U_{AC} = 42V$, $U_{CB} = 42V$.

Câu 23. Chọn biến đổi đúng trong các biến đổi sau

- A. $1k\Omega = 1000\Omega = 0,01M\Omega$. B. $1M\Omega = 1000k\Omega = 1000000\Omega$.
C. $1\Omega = 0,001k\Omega = 0,0001M\Omega$. D. $1\Omega = 0,01k\Omega = 0,001M\Omega$.

Câu 24. Khi dịch chuyển con chạy hoặc tay quay của biến trở, đại lượng nào sau đây sẽ thay đổi :

- A. Tiết diện dây dẫn của biến trở B. Điện trở suất của chất làm biến trở của dây dẫn
C. Chiều dài dây dẫn của biến trở D. Nhiệt độ của biến trở

Câu 25. Đơn vị của điện trở là.

- A. Oát (W) B. Ampe (A) C. Ôm (Ω) D. Vôn (V)



Câu 26. Để xác định sự phụ thuộc của điện trở dây dẫn vào những yếu tố nào, bốn học sinh có nhận xét như sau, hỏi nhận xét nào đúng ?

- A. Điện trở dây dẫn chỉ phụ thuộc vào chất liệu làm dây.
- B. Điện trở dây dẫn chỉ phụ thuộc chiều dài dây dẫn và tiết diện dây dẫn.
- C. Điện trở dây dẫn phụ thuộc hoặc chiều dài hoặc tiết diện hoặc chất liệu làm dây.
- D. Điện trở dây dẫn phụ thuộc vào chiều dài dây dẫn, vào tiết diện và chất liệu làm dây.

Câu 27. Điện trở suất được sắp xếp theo thứ tự tăng dần: Bạc, đồng, nhôm, Vonfam. Kim loại nào dẫn điện tốt nhất?

- A. Vonfam
- B. Nhôm
- C. Bạc
- D. Đồng

Câu 28. Đơn vị điện trở suất là:

- A. Ôm trên mét (Ω/m)
- B. Ôm mét ($\Omega.m$)
- C. Mét trên ôm (m/Ω)
- D. Ôm (Ω)

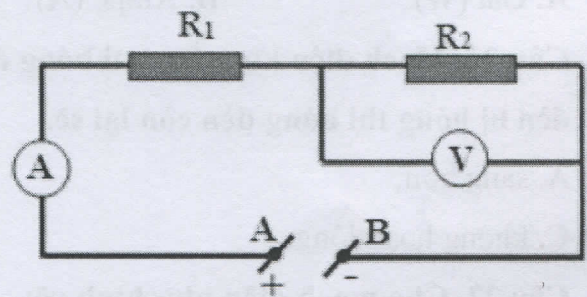
PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Bài 1 (2,0 điểm): Cho mạch điện có sơ đồ

như hình vẽ, trong đó điện trở $R_1 = 20\Omega$,

$R_2 = 25\Omega$, vôn kế chỉ 8V

- a) Tìm số chỉ của ampe kế.
- b) Tính hiệu điện thế giữa hai đầu AB của đoạn mạch.



Bài 2 (1,0 điểm): Một dây dẫn có tiết diện tròn, có điện trở suất là $12 \cdot 10^{-8} \Omega.m$. Tính điện trở của dây dẫn này, nếu nó dài 32m và đường kính tiết diện là 6mm

-----Hết-----



UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Mã đề : 901

Đề thi gồm 3 trang

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: SINH HỌC 9

Năm học 2023- 2024

Thời gian làm bài: 45 phút

I. Trắc nghiệm (7 điểm) Ghi vào bài làm chữ cái đứng trước câu trả lời đúng.

Câu 1: Theo Mendel, yếu tố di truyền nguyên vẹn từ bố mẹ sang con là gì?

- A. Alen B. Kiểu gen. C. Tính trạng. D. Nhân tố di truyền.

Câu 2: Đặc điểm nào của cây Đậu Hà Lan tạo điều kiện thuận lợi cho việc nghiên cứu các quy luật di truyền của Men đen?

- A. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn nghiêm ngặt.
B. Sinh sản nhanh và phát triển mạnh.
C. Có hoa lưỡng tính, tự thụ phấn không nghiêm ngặt.
D. Có hoa đơn tính, giao phấn nghiêm ngặt.

Câu 3: Thể đồng hợp là:

- A. cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp.
B. cá thể mang toàn các cặp gen đồng hợp trội.
C. cá thể mang một số cặp gen đồng hợp trội, một số cặp gen đồng hợp lặn.
D. cá thể mang các alen giống nhau thuộc cùng 1 gen quy định một hay một số tính trạng nào đó.

Câu 4: Đặc điểm của NST trong các tế bào sinh dưỡng là:

- A. Luôn co ngắn cực đại B. Luôn duỗi tối đa
C. Tồn tại thành từng chiếc riêng rẽ D. Tồn tại thành từng cặp tương đồng

Câu 5: 5 tế bào sinh tinh tham gia vào quá trình giảm phân sẽ tạo ra bao nhiêu tinh trùng (giao tử đực)?

- A. 10. B. 20. C. 50. D. 5.

Câu 6: Ở người, “giới đồng giao tử” dùng để chỉ:

- A. nam khi bước vào giai đoạn dậy thì. B. người nữ.
C. người nam. D. cả nam lẫn nữ.

Câu 7: Nguyên nhân nào dẫn đến hiện tượng di truyền liên kết?

- A. Số lượng NST khác nhau tùy từng loài.
B. Số lượng NST nhỏ hơn rất nhiều so với số lượng gen.
C. Các gen có ái lực lớn sẽ liên kết với nhau.
D. Chỉ có một cặp NST giới tính.

Câu 8: Số nhóm gen liên kết ở mỗi loài thường ứng với:

- A. bộ NST đơn bội của loài. B. số NST thường của loài.
C. số NST giới tính của loài. D. bộ NST lưỡng bội của loài.

Câu 9: Trong quá trình nguyên phân, có thể quan sát rõ nhất hình thái NST ở vào kì?

- A. Kì sau. B. Kì cuối. C. Kì giữa. D. Kì đầu.



Câu 10: Trong tế bào sinh dưỡng NST tồn tại ở dạng:

- A. Đơn bội kép. B. Lưỡng bội. C. Đơn bội. D. Lưỡng bội kép.

Câu 11: Quá trình giảm phân bao gồm mấy lần phân bào?

- A. 3. B. 4. C. 2. D. 1.

Câu 12: Cặp NST tương đồng là:

- A. hai cromatit giống hệt nhau đính ở tâm động.
B. hai NST có cùng 1 nguồn gốc từ bố hoặc mẹ.
C. hai NST giống hệt nhau về hình thái, kích thước.
D. hai cromatit có nguồn gốc khác nhau.

Câu 13: NST nằm ở vị trí nào trong tế bào?

- A. Nhân. B. Ty thể. C. Lưới nội chất. D. Bộ máy Golgi.

Câu 14: Phép lai giữa cá thể trội chưa biết kiểu gen với cá thể mang tính trạng lặn là:

- A. lai phân tích. B. tạo dòng thuần chủng.
C. lai hữu tính. D. tạo giống mới.

Câu 15: Hoạt động nhân đôi của NST có cơ sở từ:

- A. sự nhân đôi của tế bào chất. B. sự nhân đôi của NST đơn.
C. sự nhân đôi của sợi nhiễm sắc. D. sự nhân đôi của ADN.

Câu 16: Thành phần hoá học chủ yếu của NST là:

- A. protein histon và axit nucleic. B. protein anbumin và axit nucleic.
C. protein anbumin và ADN. D. protein và sợi nhiễm sắc.

Câu 17: Trong phép lai 1 cặp tính trạng của Mendel F2 cho 3 đỏ: 1 trắng, vậy F1 có kiểu gen:

- A. dị hợp 2 cặp gen. B. dị hợp 1 cặp gen.
C. đồng hợp 1 cặp gen. D. đồng hợp 2 cặp gen.

Câu 18: Ví dụ nào sau đây là cặp tính trạng tương phản:

- A. hạt vàng và hạt trơn. B. quả đỏ và quả tròn.
C. hoa đỏ và hoa trắng. D. thân cao và thân xanh lục.

Câu 19: Đối tượng nghiên cứu của Moocgan là:

- A. đậu Hà Lan. B. cà chua. C. ngô. D. ruồi giấm.

Câu 20: Sự phát sinh giao tử cái, được cho kết quả?

- A. 1 trứng, 1 tinh trùng. B. 1 trứng, 4 tinh trùng.
C. 4 trứng, 4 tinh trùng. D. 4 trứng, 1 tinh trùng.

Câu 21: Số giao tử tạo ra của kiểu gen AaBB là:

- A. 1. B. 2. C. 3. D. 4

Câu 22: Tỷ lệ kiểu hình ở F2 trong lai 2 cặp tính trạng của Mendel là:

- A. 3:3:1:1. B. 3:1. C. 1:1. D. 9:3:3:1.

Câu 23: Nguyên phân bao gồm các kì?

- A. Kì trung gian, kì đầu, kì giữa, kì cuối.
B. Kì trung gian, kì đầu, kì giữa, kì sau.
C. Kì trung gian, kì giữa, kì sau, kì cuối.
D. Kì đầu, kì giữa, kì sau, kì cuối.

Câu 24: Lai 2 cặp tính trạng, số lượng kiểu hình tạo ra nhiều nhất là:

- A. 2. B. 4. C. 1. D. 3.

Câu 25: Đặc điểm của NST giới tính:

- A. chỉ có 1 cặp trong tế bào sinh dưỡng. B. có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng.
C. số cặp trong tế bào thay đổi. D. có 2 cặp trong tế bào.

Câu 26: Lúa hạt dài (A) là tính trạng trội, hạt tròn (a) là tính trạng lặn. Cho lai lúa hạt dài (Aa) với lúa hạt dài (Aa) thì kết quả cho:

- A. 50% Aa : 50% aa. B. 100% Aa.
C. 100% AA. D. 25% AA : 50% Aa : 25% aa.

Câu 27: Nội dung quy luật phân li độc lập là gì?

- A. Các cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.
B. Các cặp nhân tố di truyền đã phân li trong quá trình phát sinh giao tử.
C. Hai cặp nhân tố di truyền đã phân li trong quá trình phát sinh giao tử.
D. Một cặp nhân tố di truyền đã phân li độc lập trong quá trình phát sinh giao tử.

Câu 28: Ruồi giấm có $2n = 8$. Một tế bào ruồi giấm đang ở kì sau của nguyên phân. Tế bào đó có bao nhiêu nhiễm sắc thể?

- A. 4. B. 2. C. 16. D. 8.

II. Tự luận (3 điểm)

Câu 1(1 điểm)

Nêu những diễn biến của nhiễm sắc thể trong nguyên phân?

Câu 2(2 điểm)

Cho lai cây đậu hoa đỏ với cây đậu hoa vàng được F1 toàn hoa đỏ. Cho F1 tự thụ phấn, kết quả F2 cho 31 hoa đỏ : 10 hoa vàng. Biện luận và viết sơ đồ lai từ P đến F2?

----- Chúc các em làm bài tốt ! -----





KIỂM TRA GIỮA KỲ I
NĂM HỌC 2023 - 2024

Môn: HÓA HỌC 9

Tiết theo KHDH: 18. Thời gian làm bài: 45 phút

Mã đề thi: 911

(Đề thi có 03 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (7 điểm): Ghi lại chữ cái đứng trước đáp án đúng

Câu 1: NaOH rắn có khả năng hút nước rất mạnh nên có thể dùng làm khô một số chất. NaOH làm khô khí ẩm nào sau đây?

- A. H_2S . B. H_2 . C. CO_2 . D. SO_2 .

Câu 2: Axit sunfuric loãng tác dụng được với dãy chất nào sau đây ?

- A. Zn, NaOH, Na_2O . B. Zn, Cu, CaO.
C. Zn, CO_2 , NaOH. D. Zn, H_2O , SO_3 .

Câu 3: Cho 100 ml dung dịch NaOH 1M vào 200 ml dung dịch HCl 1M. Dung dịch sau phản ứng làm quỳ tím:

- A. chuyển xanh. B. chuyển đỏ. C. không đổi màu. D. mất màu.

Câu 4: Khi cho từ từ dung dịch NaOH cho đến dư vào ống nghiệm đựng dung dịch hỗn hợp gồm HCl và một ít phenolphthalein. Hiện tượng quan sát được trong ống nghiệm là:

- A. màu đỏ mất dần. B. không có sự thay đổi màu.
C. màu đỏ từ từ xuất hiện. D. màu xanh từ từ xuất hiện.

Câu 5: Dung dịch KOH **không có** tính chất hoá học nào sau đây?

- A. Làm quỳ tím hoá xanh.
B. Tác dụng với axit tạo thành muối và nước.
C. Tác dụng với oxit axit tạo thành muối và nước.
D. Bị nhiệt phân huỷ tạo ra oxit bazơ và nước.

Câu 6: Chất khí tác dụng với dung dịch HCl tạo ra một dung dịch có màu vàng nâu là:

- A. Cu B. Fe C. Fe_2O_3 D. ZnO

Câu 7: Chất nào sau đây phản ứng với dung dịch H_2SO_4 sinh ra sản phẩm khí?

- A. Cu B. SO_2 C. FeO D. Mg

Câu 8: CO_2 không phản ứng với chất nào trong các chất sau?

- A. dung dịch NaOH. B. dung dịch $Ca(OH)_2$.
C. CaO. D. dung dịch HCl.

Câu 9: Dãy oxit nào sau đây đều tác dụng với dung dịch bazơ?

- A. CO_2 , SO_2 . B. CaO, CuO. C. CO, Na_2O . D. P_2O_5 , MgO.

Câu 10: Dãy các bazơ bị phân huỷ ở nhiệt độ cao là:

- A. $Ca(OH)_2$, NaOH, $Zn(OH)_2$, $Fe(OH)_3$. B. $Cu(OH)_2$, NaOH, $Ca(OH)_2$, $Mg(OH)_2$.
C. $Zn(OH)_2$, $Ca(OH)_2$, KOH, NaOH. D. $Cu(OH)_2$, $Mg(OH)_2$, $Fe(OH)_3$, $Zn(OH)_2$.

Câu 11: Có ba lọ không nhãn, mỗi lọ đựng một dung dịch các chất sau: NaOH, $Ba(OH)_2$, NaCl. Thuốc thử để nhận biết ba chất trên là:

- A. Quỳ tím và dung dịch HCl. B. Phenolphthalein và dung dịch $BaCl_2$.
C. Quỳ tím và dung dịch K_2CO_3 . D. Quỳ tím và dung dịch NaCl.

Câu 12: Chất nào sau đây khi phản ứng với nước tạo thành dung dịch làm quỳ tím chuyển đỏ?

- A. Ba. B. CaO. C. SO_3 . D. Na_2O .

Câu 13: Cặp chất nào sau đây có thể dùng để điều chế SO_2 trong phòng thí nghiệm?

- A. Na_2SO_4 và dung dịch HCl. B. Al và H_2SO_4 loãng.
C. Na_2SO_3 và dung dịch HCl. D. NaOH và dung dịch HCl.

Câu 14: Chất nào sau đây **không** phản ứng với dung dịch H_2SO_4 ?

- A. Fe. B. SO_2 . C. $\text{Mg}(\text{OH})_2$. D. Fe_2O_3 .

Câu 15: Chất nào sau đây được dùng để sản xuất vôi sống (CaO)?

- A. K_2CO_3 . B. NaCl. C. CaCO_3 . D. Na_2SO_4 .

Câu 16: Cho 4 g CuO vào lượng dư dung dịch H_2SO_4 . Sau phản ứng hoàn toàn, khối lượng muối thu được là:

- A. 8 g. B. 4 g. C. 16 g. D. 12 g.

Câu 17: Để nhận biết 2 lọ mất nhãn đựng CaO và MgO ta dùng:

- A. HCl B. NaOH C. HNO_3 D. Quỳ tím ẩm

Câu 18: Để loại bỏ khí CO_2 có lẫn trong hỗn hợp O_2 và CO_2 . Người ta cho hỗn hợp đi qua dung dịch chứa:

- A. HCl. B. $\text{Ca}(\text{OH})_2$. C. NaCl. D. Na_2SO_4 .

Câu 19: Nhiệt phân hoàn toàn 19,6g $\text{Cu}(\text{OH})_2$ thu được một chất rắn màu đen, dùng khí H_2 dư khử chất rắn màu đen đó thu được một chất rắn màu đỏ có khối lượng là:

- A. 6,4 g B. 9,6 g C. 12,8 g D. 16 g

Câu 20: Phân biệt hai dung dịch HCl và H_2SO_4 người ta dùng:

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$. B. CuO. C. $\text{Fe}(\text{OH})_2$. D. Zn.

Câu 21: Chất tác dụng với nước tạo ra dung dịch bazơ là:

- A. K_2O . B. CuO. C. CO. D. SO_2 .

Câu 22: Phân biệt hai dung dịch NaCl và Na_2SO_4 người ta dùng:

- A. $\text{Ba}(\text{OH})_2$. B. CuO. C. $\text{Fe}(\text{OH})_2$. D. Zn.

Câu 23: Phản ứng giữa H_2SO_4 với NaOH là phản ứng

- A. trung hoà B. phân huỷ C. thế D. hoá hợp

Câu 24: Những nhóm oxit tác dụng được với nước là:

- A. CO_2 , FeO, BaO B. Na_2O , CaO, CO_2
C. CaO, CuO, SO_2 D. SO_2 , Fe_2O_3 , BaO

Câu 25: Cho dung dịch axit sunfuric loãng tác dụng với muối natrisunfit (Na_2SO_3). Chất khí nào sinh ra ?

- A. Khí hiđro B. Khí oxi
C. Khí lưu huỳnh đioxit D. Khí hiđro sunfua

Câu 26: Hai oxit tác dụng với nhau tạo thành muối là:

- A. CO_2 và BaO. B. K_2O và NO.
C. Fe_2O_3 và SO_3 . D. MgO và CO.

Câu 27: Cho 2,4 g magie tác dụng với axit clohidric dư, sau phản ứng thể tích khí H_2 thu được (ở đktc):

- A. 1,12 lít. B. 2,24 lít. C. 11,2 lít. D. 22,4 lít.

Câu 28: Cặp chất nào sau đây không thể cùng tồn tại trong một dung dịch (chúng có xảy ra phản ứng với nhau) :

A. Cu và H_2SO_4 loãng.

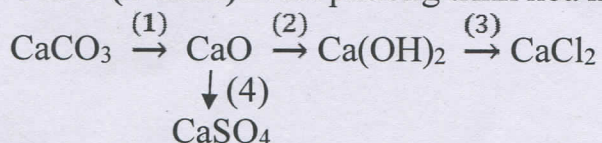
B. NaNO_3 và K_2CO_3 .

C. KOH và Fe_2O_3 .

D. $\text{Ba}(\text{OH})_2$ và HCl.

II. TỰ LUẬN (3 điểm)

Câu 1 (1 điểm): Viết phương trình hóa học thực hiện dãy chuyển hóa sau:



Câu 2 (2 điểm): Cho 18,8 gam kali oxit K_2O tác dụng với nước, thu được 0,5 lít dung dịch bazo.

a) Viết PTHH

b) Tính nồng độ mol của dung dịch bazo thu được.

c) Tính thể tích dung dịch H_2SO_4 20%, có khối lượng riêng 1,14 g/ml cần dùng để trung hòa dung dịch bazo nói trên.

(O = 16; H = 1; Cl = 35,5; S = 32; K = 39; Fe = 56; Cu = 64; Ag = 108)

Chúc các em làm bài tốt

----- HẾT -----

